TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Minh Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/5/2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Kiều Thị N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn (chị Kiều Thị N) trình bày: Chị N và anh Vũ Văn T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 5 năm 2018. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được hơn 10 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh T nghe lời mẹ đẻ, thường xuyên gây sự chửi bới, đánh đập chị N dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay và không còn quan tâm tới nhau.

Nhận thấy không còn tình cảm, không thể chung sống lâu dài được với nhau, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh chị có 01 con chung là Vũ Thị T1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019. Do anh T không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trang mà để mẹ đẻ là bà Giông đã lớn tuổi chăm sóc cháu; mặt khác anh T và gia đình thường xuyên ngăn cản chị N thăm nom, chăm sóc con chung. Vì vậy, khi ly hôn, chị N đề nghị Toà án giao cháu T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng cho con chị N xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án, yêu cầu anh T giao nộp bản tự khai, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T đều không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn với nhau theo quy định. Anh chị chung sống hoà thuận với nhau được khoảng 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình nên anh chị thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ giữa tháng 5 năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung như chị N trình bày. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sống tại thôn K, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nhưng do tính chất công việc nên anh T thường đi làm xa nhà thi thoảng mới về nhà nên con chung của anh chị do bà Phạm Thị Giông – mẹ đẻ anh T chăm sóc từ khi anh chị sống ly thân đến nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị N nhiều lần về thăm nom, chăm sóc con nhưng do chị N có thái độ cư xử không tốt nên gia đình anh T không cho chị N thăm gặp con chung của anh chị.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên hoà giải và tại phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Kiều Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T. Giao cho chị Kiều Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị T1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung đương sự xin tự giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Kiều Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn T và đề nghị giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; anh T có đăng ký thường trú tại thôn K, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn (chị N) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh T) vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu xác minh tại gia đình, địa phương và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, sự phù hợp đó thể hiện: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân Bắc Hưng vào ngày 08 tháng 5 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, chị N xin ly hôn anh T; anh T không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, mặc dù quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập, yêu cầu anh T giao nộp bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh T không chấp hành theo yêu cầu của Toà án. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, kết quả xác minh tại gia đình và địa phương; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ khẳng định: Trong thời gian chung sống, anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng anh chị không những không thay đổi mà ngày càng rạn nứt, căng thẳng và đã sống ly thân nhau thời gian dài (từ tháng 5 năm 2023

đến nay), mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của chị N, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận, xử cho chị N được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Vũ Thị Trang, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019. Khi ly hôn, chị N nhận trực tiếp nuôi con. Xét thấy, chị N là công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định; ngoài việc tự mình nuôi dưỡng, chị N còn được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trang; anh T làm nghề lao động tự do, do tính chất công việc nên thường xuyên vắng nhà; quá trình giải quyết vụ án anh T không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; mặt khác trong thời gian anh chị sống ly thân anh T thường đi làm ăn xa nên người trực tiếp chăm sóc cháu Trang là bà Giông (mẹ đẻ anh T), cũng trong thời gian này gia đình anh T có hành vi ngăn cản chị N tới thăm nom, chăm sóc cháu Trang; một phần cháu Trang là con gái cần sự chăm sóc, chỉ dạy của mẹ nhiều hơn. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu nhận trực tiếp nuôi con của chị N, giao cháu Vũ Thị Trang cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đương sự xin tự thoả thuận, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 96 khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị N, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Thị Trang, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019 cho chị Kiều Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Kiều Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012490, ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng (Để thi hành);
- UBND xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng (ĐKKH số 19/2018);
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang